

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4109 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 12 năm 2016

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2017 trên địa bàn thành phố Nha Trang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2016 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5672 /TTr-STC ngày 28 /12/2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước); dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng thu dịch vụ thoát nước trên địa bàn thành phố Nha Trang: Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị an ninh, quốc phòng có sử dụng nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa cung cấp; cơ sở sản xuất công nghiệp có kết nối với hệ thống thoát nước tập trung của thành phố.

2. Đối tượng thu dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang: Hộ gia đình (bao gồm cả thường trú và tạm trú), hộ kinh doanh, buôn bán, khách sạn,



nhà hàng, nhà nghỉ, cơ quan hành chính, sự nghiệp, văn phòng làm việc của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, văn phòng làm việc của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế, bến cảng, siêu thị, các đơn vị an ninh, quốc phòng,... có rác thải sinh hoạt.

3. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, thu, chi và quyết toán tiền thu dịch vụ thoát nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang.

**Điều 3. Đối tượng không thu dịch vụ thoát nước, miễn thu dịch vụ thoát nước và dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Nha Trang**

1. Đối tượng không thu dịch vụ thoát nước: Hộ gia đình sử dụng hệ thống cấp nước sạch ở các xã thuộc thành phố; hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch; các cơ sở sản xuất công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải riêng chưa đầu nối vào hệ thống thoát nước tập trung của thành phố.

2. Đối tượng miễn thu dịch vụ thoát nước và dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt: Hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

**Điều 4. Mức giá dịch vụ thoát nước và dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang**

1. Mức giá dịch vụ thoát nước như sau:

*Đơn vị tính: đồng/m<sup>3</sup> nước sạch*

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Mức giá dịch vụ
1	Hộ gia đình	1.950
2	Cơ quan hành chính, sự nghiệp...	3.270
3	Cơ sở sản xuất công nghiệp có kết nối với hệ thống thoát nước tập trung của thành phố	3.800
4	Cơ sở kinh doanh, dịch vụ	4.130

2. Mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau:

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ
1	Hộ gia đình có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	41.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	58.000
2	Hộ gia đình không có công nhân đến tận nơi lấy rác		

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	25.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	37.000
3	Hộ gia đình trên đảo có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	24.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	31.000
4	Hộ gia đình trên đảo không có công nhân đến tận nơi lấy rác		
a	Hộ gia đình có từ 1 đến 4 người	Đồng/hộ/tháng	14.000
b	Hộ gia đình có 5 người trở lên	Đồng/hộ/tháng	21.000
5	Cá nhân thuê nhà để ở, học sinh, sinh viên ở khu nội trú, ký túc xá		
a	Nếu có công nhân đến tận nơi lấy rác	Đồng/người/tháng	12.000
b	Nếu không có công nhân đến tận nơi lấy rác	Đồng/người/tháng	11.000
6	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ (hộ kinh doanh chưa đóng thuế môn bài, có mức thuế môn bài bậc 4, bậc 5, bậc 6)		
a	Buôn bán nhỏ hàng ăn uống (chưa quản lý thu thuế môn bài)	Đồng/hộ/tháng	41.000
b	Hộ kinh doanh hàng ăn uống có đóng thuế môn bài	Đồng/hộ/tháng	74.000
c	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	41.000
d	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	21.000
7	Hộ kinh doanh trong các chợ hạng 3		
a	Hộ kinh doanh hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	28.000
b	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	21.000
c	Hộ buôn bán không có lô sạp cố định, không phải bán hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	14.000
8	Hộ kinh doanh trong các chợ hạng 1, hạng 2		
a	Hộ kinh doanh ăn uống, rau củ quả chưa qua chế biến, thực phẩm tươi sống, hải sản	Đồng/hộ/tháng	41.000



STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ
b	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	28.000
9	Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, văn phòng làm việc của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, viện nghiên cứu	Đồng/cơ quan/tháng	97.000
10	Cửa hàng, kho hàng, trụ sở giao dịch của các doanh nghiệp, công ty thuộc các thành phần kinh tế	Đồng/cửa hàng/tháng	493.000
11	Hộ kinh doanh buôn bán lớn (hộ kinh doanh có mức thuế môn bài bậc 1, bậc 2, bậc 3)		
a	Hộ kinh doanh hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	493.000
b	Hộ kinh doanh ngành hàng khác	Đồng/hộ/tháng	201.000
12	Khách sạn không kinh doanh ăn uống		
a	Có dưới 10 phòng	Đồng/khách sạn/tháng	147.000
b	Có từ 10 phòng đến dưới 20 phòng	Đồng/khách sạn/tháng	243.000
c	Có từ 20 phòng đến dưới 30 phòng	Đồng/khách sạn/tháng	384.000
d	Có từ 30 phòng đến dưới 50 phòng	Đồng/khách sạn/tháng	493.000
đ	Có từ 50 phòng đến dưới 100 phòng	Đồng/khách sạn/tháng	726.000
e	Có từ 100 phòng trở lên	Đồng/khách sạn/tháng	960.000
13	Khách sạn có kinh doanh ăn uống		
a	Có dưới 20 phòng	Đồng/khách sạn/tháng	493.000
b	Có trên 20 phòng và khối lượng rác nhỏ hơn 2 tấn/tháng	Đồng/khách sạn/tháng	960.000
c	Khối lượng rác từ 2 tấn/tháng trở lên	Đồng/tấn rác	587.000
14	Cơ sở kinh doanh ăn uống thuộc các doanh nghiệp		
a	Nhà hàng kinh doanh ăn uống	Đồng/nhà hàng/tháng	960.000

STT	Đối tượng thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá dịch vụ
b	Nếu có điều kiện cân đo khối lượng	Đồng/tấn rác	587.000
15	Các đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, mẫu giáo, nhà trẻ, mầm non		
a	Lượng rác thải nhỏ hơn 250 kg/tháng	Đồng/cơ sở/tháng	108.000
b	Lượng rác thải từ 250 kg/tháng đến dưới 500 kg/tháng	Đồng/cơ sở/tháng	218.000
c	Lượng rác thải từ 500 kg/tháng trở lên	Đồng/tấn rác	451.000
16	Các nhà máy, bệnh viện, chợ, siêu thị, nhà ga, bến cảng, bến tàu, bến xe, các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế (không bao gồm các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất)	Đồng/tấn rác	451.000
17	Các cơ sở chế biến thủy sản, cơ sở giết mổ gia súc, cơ sở sản xuất hóa chất, các công trình xây dựng và các đơn vị tổ chức hội chợ trên địa bàn	Đồng/tấn rác	587.000

3. Mức giá dịch vụ thoát nước và dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

1. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Nha Trang và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục xây dựng Phương án giá dịch vụ thoát nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt (theo chỉ đạo của của UBND tỉnh tại Công văn số 8039/UBND-KT ngày 11/10/2016 về việc xây dựng phương án giá, thẩm định và ban hành các loại giá dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá).

2. UBND thành phố Nha Trang quy định mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không được vượt mức giá tối đa quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này. Đồng thời, chỉ đạo, tổ chức thực hiện niêm yết giá dịch vụ dịch vụ thoát nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và thu theo giá niêm yết.

3. Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa: Chịu trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về hóa đơn, chứng từ và trích nộp thuế theo quy định.

4. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan và UBND thành

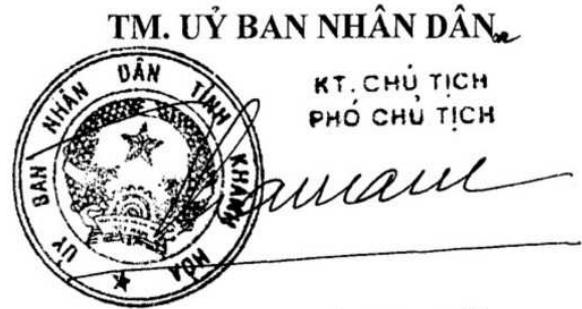
phố Nha Trang tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, thu, chi và quyết toán tiền thu dịch vụ thoát nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Nha Trang theo quy định.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; UBND thành phố Nha Trang; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Lưu: VT, HP, Hle,



Trần Sơn Hải